

# ĐIỀU KHOẢN VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI DOANH NGHIỆP TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

*Đào Kim Anh\**  
*Hoàng Cẩm Lâm Vy\*\**

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích các điều khoản về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong các hiệp định đầu tư quốc tế. Đối với Việt Nam, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp các điều khoản về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp vào các hiệp định đầu tư quốc tế và đưa ra một số khuyến nghị cụ thể để nâng cao tính thực thi của các điều khoản này, nhằm tới mục tiêu để các hiệp định đầu tư quốc tế có thể trở thành công cụ hữu hiệu để thúc đẩy hoạt động đầu tư “có trách nhiệm”.

**Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, hiệp định đầu tư quốc tế, Việt Nam, trách nhiệm của nhà đầu tư nước ngoài

**Abstract:** The article analyses the provisions on corporate social responsibility in international investment agreements. For Vietnam, the article highlights the importance of integrating provisions on corporate social responsibility into international investment agreements and puts forward specific recommendations to improve the enforceability of these provisions, with a view to enabling international investment agreements to become effective tools for promoting “responsible” investment activities.

**Keywords:** Corporate social responsibility; International investment agreement; Vietnam.

## 1. Đặt vấn đề

Các hiệp định đầu tư quốc tế (International Investment Agreement - IIA) đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, và nâng cao năng lực cạnh tranh của các quốc gia thành viên<sup>1</sup>. Trước đây, nội dung chính của các

IIA tập trung vào việc bảo hộ và khuyến khích đầu tư thông qua đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy đầu tư nước ngoài không chỉ mang đến lợi ích mà cũng đặt ra nhiều thách thức đối với quốc gia tiếp nhận đầu tư. Các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài vi phạm pháp luật, thiếu trách nhiệm trong quá trình triển khai dự án gây thiệt hại nghiêm trọng về môi trường, sức khỏe cộng đồng, hoặc vi phạm nhân quyền tại quốc gia sở tại đã làm dấy lên nhu cầu cấp bách về việc tăng cường nghĩa vụ và trách nhiệm của các nhà đầu tư.

Trong bối cảnh đó, một hướng tiếp cận được quan tâm hiện nay là tích hợp các điều khoản về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility - CSR)

\* TS., Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương.

\*\* Sinh viên, Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương.

Bài viết này được phát triển từ nghiên cứu trình bày tại Hội nghị khoa học sinh viên ngành luật lần thứ VI tổ chức bởi Trường Đại học Ngoại thương, tháng 11/2024.

<sup>1</sup> United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD), *The Role of IIAs in Attracting FDI to Developing*, United Nations, 2009, p.29.

vào các IIA<sup>2</sup>. Tuy nhiên, các quy định về CSR trong IIA hiện nay vẫn thiếu tính nhất quán và phần lớn chỉ mang tính khuyến khích thay vì ràng buộc pháp lý nghiêm ngặt. Sự thiếu vắng các điều khoản ràng buộc về CSR có thể gây ra nhiều thách thức cho quốc gia tiếp nhận đầu tư, đặc biệt khi các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và quyền lao động không được bảo đảm đầy đủ. Trước thực trạng này, nhu cầu cải cách IIA để tích hợp các quy định CSR nghiêm ngặt hơn trở nên rất cấp thiết, nhằm thúc đẩy phát triển bền vững và bảo vệ lợi ích cộng đồng<sup>3</sup>.

Đối với Việt Nam, một quốc gia đang trên đà hội nhập kinh tế toàn cầu, việc tích hợp các điều khoản CSR vào IIA có thể đóng góp quan trọng vào việc xây dựng một môi trường đầu tư bền vững và trách nhiệm hơn, qua đó bảo vệ lợi ích lâu dài cho quốc gia tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào để sử dụng hiệu quả các điều khoản CSR trong các IIA? Làm sao để vừa đảm bảo tính thực thi và phù hợp với thực tiễn pháp luật quốc tế, vừa giải quyết các thách thức trong việc thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam? Chính vì vậy, bài viết này sẽ trả lời các câu hỏi trên thông qua việc phân tích sự hình thành và phát triển của các điều khoản CSR trong IIA, đồng thời đánh giá thực trạng các quy định CSR hiện nay – từ các điều khoản mang tính khuyến khích đến các điều khoản bắt buộc. Từ đó, bài viết sẽ đưa ra một số khuyến

ngợi cho Việt Nam nhằm sử dụng hiệu quả các điều khoản CSR, đưa IIA trở thành công cụ hữu hiệu để thúc đẩy và thu hút các dự án đầu tư nước ngoài “có trách nhiệm”.

## 2. Sự ra đời các điều khoản trách nhiệm xã hội trong các hiệp định đầu tư quốc tế

Thuật ngữ CSR lần đầu xuất hiện vào năm 1953 do H.R.Bowen đề cập trong cuốn sách “Trách nhiệm xã hội của doanh nhân” (Social Responsibilities of the Businessmen), nhằm mục đích kêu gọi sự tự nguyện bồi hoàn những thiệt hại do doanh nghiệp gây ra cho xã hội<sup>4</sup>. Hiện nay, khái niệm “CSR” có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Dưới góc độ quản lý doanh nghiệp, khái niệm này ban đầu đề cập đến trách nhiệm cá nhân của một nhà quản lý doanh nghiệp, dần dần CSR đã phát triển từ trách nhiệm cá nhân của nhà lãnh đạo công ty thành trách nhiệm của công ty hoặc trách nhiệm của cả tập thể. Dưới góc độ pháp lý, CSR thường được coi là một phần của “luật mềm” (soft law), không bắt buộc nhưng khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn về xã hội và môi trường vào hoạt động kinh doanh của mình. Ở góc độ này, CSR thường tồn tại dưới dạng các bộ tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị ví dụ như Tiêu chuẩn quốc tế ISO 26000 về Trách nhiệm xã hội<sup>5</sup>, hay Bộ hướng dẫn OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia về Hành vi kinh doanh có trách nhiệm cho các doanh nghiệp quốc tế<sup>6</sup>.

<sup>2</sup> Crina Baltag, Riddhi Joshi, Kabir Duggal, “Recent trends in Investment Arbitration on the Right to Regulate, Environment, Health and Corporate Responsibility: Too much or Too little?”, ICSID Review, Vol.38, No.2, pp. 381–421.

<sup>3</sup> Belengar Francis Maïnkade, *Corporate human rights obligations of investors in recent investment agreements: The progressive hardening process of CSR clauses*, Heliyon, Vol.9, Issue 4. p.2.

<sup>4</sup> Archie B. Carrol, *Corporate Social Responsibility: Evolution of a Definitional Construct*, Business and Society, Vol.38, No.3, pp.268-270.

<sup>5</sup> Điều 2.18, *Tiêu chuẩn quốc tế ISO 26000 về Trách nhiệm xã hội*, 01/11/2010, [https://iso26000.info/wp-content/uploads/2017/06/ISO-26000\\_2010\\_E\\_OBPPages.pdf](https://iso26000.info/wp-content/uploads/2017/06/ISO-26000_2010_E_OBPPages.pdf), truy cập ngày 27/10/2024.

<sup>6</sup> OECD, *OECD Guidelines for Multinational Enterprises on Responsible Business Conduct*, OECD Publishing, Paris, 8/6/2023, <https://basel>

Trong lĩnh vực pháp luật đầu tư quốc tế, việc tích hợp các CSR vào IIA được kỳ vọng có thể giải quyết các vấn đề phát sinh từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI). Một nghiên cứu chỉ ra rằng, điều khoản CSR tạo ra nghĩa vụ rõ ràng cho nhà đầu tư, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền, bảo vệ môi trường và chống tham nhũng<sup>7</sup>. Thực tiễn cho thấy, mặc dù FDI mang lại nhiều lợi ích kinh tế, song nó cũng dẫn đến các rủi ro nghiêm trọng, như vi phạm quyền lợi cộng đồng và gây ô nhiễm môi trường. Một ví dụ điển hình là vụ việc của công ty Vedanta, nhà đầu tư của Vương quốc Anh đã đầu tư vào Ấn Độ để khai thác bauxite. Hoạt động này không chỉ gây mất đất đai mà còn làm ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của cộng đồng bản địa Dongria Kondh<sup>8</sup>. Những tác động tiêu cực như vậy nhấn mạnh sự cần thiết của việc đưa các điều khoản CSR vào IIA<sup>9</sup>.

Một số IIA gần đây đã tiên phong đưa vào các quy định CSR nhằm thúc đẩy đầu tư bền vững và có trách nhiệm. Ban đầu, phần lớn các điều khoản CSR chủ yếu mang

tính chất “luật mềm” với ngôn từ khuyến khích hoặc thúc đẩy, dẫn đến sự thiếu ràng buộc pháp lý<sup>10</sup>. Tuy nhiên, những hiệp định gần đây của các quốc gia phát triển ký kết như Hiệp định thương mại giữa EU-Nhật Bản (2019) và Hiệp định thương mại giữa EU-Canada (CETA-2017) đã đánh dấu sự chuyển dịch sang “luật cứng” với các quy định ràng buộc chặt chẽ hơn<sup>11</sup>. Đồng thời, các điều khoản CSR trong các IIA này nhấn mạnh sự đồng bộ hóa với các chuẩn mực quốc tế như Hướng dẫn OECD, Nguyên tắc Kinh doanh và Nhân quyền của Liên hợp quốc, và các tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)<sup>12</sup>.

Sự xuất hiện của các điều khoản CSR trong IIA được kỳ vọng sẽ khắc phục khó khăn do khác biệt về quy định giữa các quốc gia, từ đó góp phần thúc đẩy việc thiết lập các chuẩn mực CSR toàn cầu. Các quy định này cũng có thể thúc đẩy các nhà đầu tư hoạt động có trách nhiệm hơn, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của quốc gia tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, liệu các điều khoản CSR trong IIA hiện nay có đạt được các kỳ vọng trên là một vấn đề còn nhiều tranh cãi. Phần tiếp theo sẽ phân tích thực tiễn các quy định về CSR trong quá trình đàm phán và ký kết các IIA, làm rõ vai trò cũng như tính hiệu quả của các điều khoản này.

[governance.org/sites/default/files/2023-06/OECD%20MNE%20Guidelines%20-%20EN.pdf](https://governance.org/sites/default/files/2023-06/OECD%20MNE%20Guidelines%20-%20EN.pdf), truy cập ngày 27/10/2024.

<sup>7</sup> Crina Baltag, Riddhi Joshi, Kabir Duggal, tldd, pp. 384.

<sup>8</sup> Ankur Paliwal, *Dongria Kondhs in Odisha Win against Vedanta as Supreme Court Bans Mining in Niyamgiri | Rayagada, Odisha*, Land Conflict Watch, tháng 10/2016, <https://www.landconflictwatch.org/conflicts/tribals-in-niyamgiri-protest-against-st-bauxite-mining-by-vedanta-limited#>, truy cập ngày 27/10/2024.

<sup>9</sup> UNCTAD, *Corporate Social Responsibility can and should become an integral part of International Investment Agreements (IIAs)*, 22/05/2012, <https://investmentpolicy.unctad.org/blogs/6/corporate-social-responsibility-can-and-should-become-an-integral-part-of-international-investment-agreements-iias->, truy cập ngày 27/10/2024.

<sup>10</sup> Belengar Francis Maïnkade, *Corporate human rights obligations of investors in recent investment agreements: The progressive hardening process of CSR clauses*, Heliyon, Vol.9, Issue 4, 04/04/2023, <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e15120>, truy cập ngày 27/10/2024.

<sup>11</sup> European Commission, *Key elements of the EU-Japan Economic Partnership Agreement*, Chương 14: Phát triển bền vững, 12/12/2018, [https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/memo\\_18\\_6784](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/memo_18_6784), truy cập ngày 27/10/2024; Crina Baltag, Riddhi Joshi, Kabir Duggal, tldd, p. 400.

<sup>12</sup> Belengar Francis Maïnkade, tldd, pp. 15-18.

### 3. Quy định về trách nhiệm xã hội trong các hiệp định đầu tư hiện nay

Hiện nay, các điều khoản CSR xuất hiện ngày càng nhiều trong các IIA. Các điều khoản này đa dạng về cách tiếp cận, cấu trúc và ngôn ngữ, nhưng có thể phân thành ba nhóm chính. Thứ nhất là các điều khoản CSR gián tiếp, trong đó trách nhiệm tăng cường CSR chủ yếu được đặt lên quốc gia, yêu cầu Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn CSR quốc tế. Thứ hai là các điều khoản “nỗ lực tốt nhất”, yêu cầu nhà đầu tư cố gắng thực hiện CSR nhưng không đặt ra các ràng buộc pháp lý chặt chẽ. Thứ ba là các điều khoản CSR bắt buộc, quy định rõ ràng nghĩa vụ pháp lý về CSR cho nhà đầu tư.

#### 3.1. Các điều khoản CSR gián tiếp

Các điều khoản CSR gián tiếp trong các hiệp định đầu tư quốc tế thường đặt trách nhiệm lên các quốc gia thay vì các nhà đầu tư. Thay vì đưa ra các nghĩa vụ ràng buộc trực tiếp, các điều khoản này chỉ khuyến nghị các quốc gia thúc đẩy hành vi có trách nhiệm xã hội từ phía doanh nghiệp bằng cách khuyến khích họ tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn CSR quốc tế vào hoạt động và chính sách của mình. Ví dụ, Điều 16 của Hiệp định Đầu tư Song phương (Bilateral Investment Treaty – BIT) giữa Canada và Benin năm 2014 quy định: “*Mỗi Bên ký kết nên khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ hoặc thuộc thẩm quyền của mình tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đã được quốc tế công nhận vào các hoạt động và chính sách nội bộ. Các tiêu chuẩn này bao gồm những nguyên tắc đã được Bên ký kết thông qua hoặc ủng hộ, nhằm giải quyết các vấn đề như lao động, môi trường, quyền con người, quan hệ cộng đồng và chống tham nhũng*”. Các quy định mang tính chất

khuyến khích, không ràng buộc pháp lý này khiến hiệu quả thực thi phụ thuộc vào quyết tâm và năng lực của Chính phủ các nước.

Về bản chất, các điều khoản theo hình thức gián tiếp chỉ tái khẳng định tính tự nguyện của CSR, nhấn mạnh vai trò của quốc gia trong việc ban hành pháp luật nội địa để thực thi các tiêu chuẩn quốc tế. Chẳng hạn, BIT mẫu của Colombia (2017)<sup>13</sup> yêu cầu các quốc gia “nỗ lực đảm bảo” doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội. Điểm hạn chế của các điều khoản CSR gián tiếp là phụ thuộc hoàn toàn vào cơ chế thực thi nội địa. Các quốc gia cần ban hành luật pháp, chính sách và cơ chế giám sát để nội luật hóa các tiêu chuẩn quốc tế. Quy định này, do đó, mang tính chất “tuyên bố” nhiều hơn là tính chất ràng buộc thực thi.

#### 3.2. Các điều khoản CSR dạng “nỗ lực tốt nhất”

Do những hạn chế đã nêu của các điều khoản CSR gián tiếp, một hướng tiếp cận khác trong việc soạn thảo các điều khoản CSR là sử dụng các điều khoản “nỗ lực tốt nhất” (best-effort). Khác với điều khoản CSR gián tiếp – áp dụng đối với các quốc gia, các điều khoản “nỗ lực tốt nhất” đặt trách nhiệm trực tiếp lên nhà đầu tư, yêu cầu họ cố gắng thực hiện các tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, cách tiếp cận này vẫn phản ánh sự dè dặt trong việc thắt chặt các nghĩa vụ pháp lý. Cụ thể, các điều khoản CSR theo nguyên tắc “nỗ lực tốt nhất” trong IIA chủ yếu dừng lại ở khuyến khích nhà đầu tư tích hợp các tiêu chuẩn CSR vào hoạt động

<sup>13</sup> Điều khoản CSR trong BIT mẫu của Colombia quy định như sau: “Mỗi Bên ký kết sẽ nỗ lực đảm bảo rằng các Nhà đầu tư và khoản đầu tư được bảo hộ hoạt động trong Lãnh thổ của mình, và tất cả các nhà đầu tư được thành lập hoặc tổ chức theo luật pháp của mình, đều kết hợp và thực hành Nguyên tắc của OECD dành cho Doanh nghiệp đa quốc gia trên cơ sở tự nguyện”.

kinh doanh, thay vì đặt ra các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc. Điều này dẫn đến việc nhà đầu tư chỉ cần “nỗ lực” tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận, mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu không đạt được các tiêu chuẩn này. Ví dụ, trong BIT giữa Argentina và Qatar (2016), điều khoản CSR đề nghị rằng nhà đầu tư “nên nỗ lực” tự nguyện áp dụng các nguyên tắc CSR<sup>14</sup>. Tuy nhiên, hiệp định này không đưa ra các cơ chế hoặc biện pháp cụ thể để bảo đảm việc tuân thủ, dẫn đến việc giảm thiểu tính ràng buộc pháp lý của các quy định này. Các hiệp định này cũng chưa có quy định cụ thể về hậu quả pháp lý nếu nhà đầu tư không tuân thủ các khuyến nghị trong điều khoản CSR. Do đó, cách tiếp cận “nỗ lực tốt nhất” tuy có giá trị khuyến khích, nhưng khó tạo ra sự đảm bảo chắc chắn về trách nhiệm của nhà đầu tư trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn CSR.

Mặc dù các điều khoản “nỗ lực tốt nhất” đã áp dụng trực tiếp vào nhà đầu tư, cách quy định này vẫn thiếu tính ràng buộc do sử dụng ngôn ngữ khuyến khích và thiếu chế tài cụ thể. Các điều khoản này thường yêu cầu nhà đầu tư tuân thủ các tiêu chuẩn CSR được công nhận trên toàn thế giới mà không liệt kê rõ ràng những tiêu chuẩn đó là gì, khiến việc áp dụng phụ thuộc phần lớn vào thiện chí của nhà đầu tư. Nếu nhà đầu tư không tuân thủ, việc áp dụng chế tài hoặc sử dụng các điều khoản này làm cơ sở cho tranh chấp pháp lý gặp nhiều khó khăn.

Một số hiệp định gần đây, như tại Điều 9 của BIT giữa Brazil và Malawi (2015), đã cố gắng tăng tính cụ thể bằng cách liệt kê rõ

các nghĩa vụ CSR. Các nghĩa vụ này bao gồm phát triển bền vững, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, quản trị doanh nghiệp, tôn trọng quyền con người, và tham gia của cộng đồng địa phương<sup>15</sup>. Dù vậy, khi vẫn nằm trong khuôn khổ “nỗ lực tốt nhất”, các quy định này chủ yếu mang tính định hướng và thiếu sự ràng buộc pháp lý thực sự.

Các quy định “nỗ lực tốt nhất” có ưu điểm trong việc nâng cao nhận thức và khuyến khích hành động tự nguyện từ phía nhà đầu tư, đặc biệt trong những lĩnh vực nhạy cảm như nhân quyền hoặc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, sự mềm mỏng này lại tiềm ẩn nguy cơ không đạt được hiệu quả mong đợi, đặc biệt khi các quốc gia không có cơ chế giám sát chặt chẽ hoặc không ban hành các quy định nội địa đảm bảo thực thi.

### 3.3. Các điều khoản CSR bắt buộc

Mặc dù các điều khoản “nỗ lực tốt nhất” đã thể hiện bước tiến trong việc nâng cao các nghĩa vụ về CSR, nhưng những điều khoản này vẫn chưa thực sự tạo ra nghĩa vụ pháp lý có tính ràng buộc đối với nhà đầu tư. Do đó, một số quốc gia đã tăng cường tính chất ràng buộc thông qua các điều khoản CSR mang tính bắt buộc trong IIA. Đây là một nỗ lực nhằm tăng cường trách nhiệm pháp lý của nhà đầu tư, đồng thời khắc phục các hạn chế của cách tiếp cận “nỗ lực tốt nhất”.

Mục tiêu của cách tiếp cận này là khắc phục những hạn chế của các điều khoản “nỗ lực tốt nhất”, bằng cách áp đặt nghĩa vụ cụ thể, chặt chẽ và có tính ràng buộc pháp lý đối với nhà đầu tư trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn CSR. Các điều khoản này thường được đặt trong các phần hoặc chương rõ ràng về “Nghĩa vụ của nhà đầu tư” hoặc “Trách nhiệm của nhà đầu tư” thường liên

<sup>14</sup> Điều 12 về CSR: Các nhà đầu tư hoạt động trong lãnh thổ của Bên ký kết chủ nhà nên nỗ lực tự nguyện tích hợp các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp được quốc tế công nhận vào các chính sách và hoạt động kinh doanh của mình.

<sup>15</sup> Belengar Francis Maïnkade, t.lđđ, pp. 20-22.

quan đến các quy định bắt buộc về quyền con người, môi trường, và các nghĩa vụ khác theo luật pháp của quốc gia chủ nhà. Ví dụ, BIT giữa Ấn Độ và Kyrgyzstan (2019)<sup>16</sup> đặt điều khoản CSR trong Chương III với tiêu đề “Nghĩa vụ của nhà đầu tư”. Tuy nhiên, ngay cả khi các điều khoản CSR được đặt trong các phần bắt buộc, một số điều khoản vẫn sử dụng ngôn ngữ khá mềm mỏng như “có gắng”, “phấn đấu” hoặc “nên” thay vì “phải” hoặc “bắt buộc” để đảm bảo tính ràng buộc pháp lý, khiến cho các nghĩa vụ CSR vẫn mang tính tự nguyện nhiều hơn là bắt buộc. Ví dụ, như BIT giữa Morocco và Nigeria (2016), Điều 24.2 quy định “các nhà đầu tư nên áp dụng Tuyên bố ba bên của ILO về đầu tư và chính sách xã hội” cũng như các tiêu chuẩn thực hành có trách nhiệm trong ngành liên quan. Trong một ví dụ khác, Điều 7 trong BIT mẫu của Hà Lan (2019) yêu cầu các nhà đầu tư tuân thủ luật pháp của quốc gia chủ nhà, bao gồm các quy định về nhân quyền, môi trường và luật lao động.

Sự xuất hiện của các điều khoản CSR mang tính bắt buộc trong một số IIA gần đây đánh dấu một bước tiến đáng kể trong việc nâng cao trách nhiệm pháp lý của nhà đầu tư. Các điều khoản này không chỉ quy định nghĩa vụ cụ thể liên quan đến quyền con người, bảo vệ môi trường và phòng chống tham nhũng, mà còn thể hiện nỗ lực

quốc tế nhằm chuyển hóa CSR từ một cam kết đạo đức mang tính tự nguyện thành các nghĩa vụ pháp lý có thể được giám sát và có khả năng thực thi<sup>17</sup>.

Tuy nhiên, một vấn đề cần lưu ý là các nghĩa vụ này thường không đi kèm với các chế tài rõ ràng và hiệu quả trong chính các hiệp định, dẫn đến hạn chế trong việc thực thi trên thực tế<sup>18</sup>. Trong thực tiễn đàm phán và ký kết các IIA, nhiều điều khoản CSR mang tính bắt buộc thường chỉ dừng lại ở việc yêu cầu nhà đầu tư tuân thủ pháp luật quốc gia sở tại hoặc các chuẩn mực quốc tế, mà không kèm theo các biện pháp xử lý cụ thể khi vi phạm xảy ra<sup>19</sup>. Một cơ chế phổ biến hiện nay là “loại trừ bảo hộ”, theo đó nếu nhà đầu tư không tuân thủ các nghĩa vụ CSR quy định trong hiệp định, khoản đầu tư có thể bị loại khỏi phạm vi áp dụng của các cơ chế bảo hộ như quyền tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (ISDS)<sup>20</sup>. Ví dụ, BIT giữa Morocco và Nigeria (2016) tại Điều 14 quy định rằng, các nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của nước tiếp nhận, bao gồm cả các quy định về môi trường, lao động và chống tham nhũng<sup>21</sup>. Đặc biệt, Điều 20 của hiệp định nêu rõ rằng, các khoản đầu tư được thực hiện

<sup>17</sup> Belengar Francis Maïnkade, tldd, p. 20.

<sup>18</sup> Dubin, L. *Corporate Social Responsibility Clauses in Investment Treaties*, Investment Treaty News, 21/12/2018, <https://www.iisd.org/itn/2018/12/21/corporate-social-responsibility-clauses-in-investment-treaties-laurence-dubin/>, truy cập ngày 30/06/2025.

<sup>19</sup> UNCTAD, *Mapping of IIA clauses*, Investment Policy Hub, 01/01/2010, <https://investmentpolicy.unctad.org/pages/1031/mapping-of-ii-a-clauses>, truy cập ngày 30/06/2025.

<sup>20</sup> Crina Baltag, Riddhi Joshi, Kabir Duggal, tldd, pp. 402-403.

<sup>21</sup> Điều 14.1: Nghĩa vụ của Nhà đầu tư (Obligations of Investors): Nhà đầu tư và các khoản đầu tư phải tuân thủ pháp luật và quy định của Quốc gia tiếp nhận đầu tư, bao gồm các quy định về nhân quyền, bảo vệ môi trường, lao động và chống tham nhũng.

<sup>16</sup> Điều 2, Chương 3 “Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp” quy định: Các nhà đầu tư và các doanh nghiệp của họ hoạt động trong lãnh thổ của mỗi Bên sẽ cố gắng tự nguyện tích hợp các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) được quốc tế công nhận vào các hoạt động và chính sách nội bộ của mình, chẳng hạn như các tuyên bố nguyên tắc đã được các Bên thông qua hoặc ủng hộ. Các nguyên tắc này có thể đề cập đến các vấn đề như lao động, môi trường, quyền con người, quan hệ cộng đồng và chống tham nhũng.

thông qua hành vi gian lận, tham nhũng hoặc sai phạm trọng yếu khác sẽ không được hưởng sự bảo hộ theo hiệp định<sup>22</sup>. Mặc dù điều này thể hiện một bước tiến trong việc áp đặt trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm của nhà đầu tư, chế tài vẫn chỉ dừng lại ở việc tước bỏ quyền lợi, thay vì áp dụng các hình thức xử phạt như phạt tiền hay yêu cầu bồi thường thiệt hại<sup>23</sup>.

Tương tự, BIT giữa Iran và Slovakia (2016)<sup>24</sup> cũng đưa ra một điều khoản liên quan đến chống tham nhũng, quy định rằng, nếu khoản đầu tư liên quan đến hành vi tham nhũng hoặc gian lận, nhà đầu tư có thể bị từ chối tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp theo hiệp định. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng của chế tài này vẫn khá hạn chế, chủ yếu tập trung vào hành vi tham nhũng mà chưa bao quát đầy đủ các khía cạnh khác của CSR như quyền con người hay bảo vệ môi trường. Ngoài ra, chế tài vẫn mang tính gián tiếp, khi nhà đầu tư bị tước quyền khởi kiện thay vì phải chịu trách nhiệm pháp lý cho hành vi vi phạm<sup>25</sup>.

<sup>22</sup> Điều 20: Từ chối hưởng lợi (Denial of Benefit): Một Bên có thể từ chối các lợi ích theo Hiệp định này đối với một nhà đầu tư của Bên kia và các khoản đầu tư của nhà đầu tư đó nếu khoản đầu tư được thành lập hoặc hoạt động thông qua hành vi gian lận trong khai báo, che giấu thông tin, tham nhũng, hoặc các hành vi lạm dụng thủ tục tố tụng hay các hành vi sai trái nghiêm trọng khác.

<sup>23</sup> Bueno, N., Yilmaz Vastardis, A., & Ngueuleu Djeuga, I., *Investor Human Rights and Environmental Obligations: The Need to Redesign Corporate Social Responsibility Clauses*, Journal of World Investment & Trade, Vol. 24, Issue 2, pp. 179–209.

<sup>24</sup> Điều 14.2: Điều khoản chung (General Provisions): Các khiếu nại sẽ bị cấm nếu nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư vi phạm luật pháp của Nước tiếp nhận, với các vi phạm cụ thể (gian lận, trốn thuế, tham nhũng, hối lộ, trình bày sai sự thật) luôn được coi là nghiêm trọng/vật chất để bị bác bỏ.

<sup>25</sup> Daniel Hein.C., *Much Ado About Nothing? – Advocating for Legality Clauses instead of ESG and CSR Investor Obligations in International*

Investment Agreements, Kluwer Arbitration Blog, 30/01/2024, <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2024/01/30/much-ado-about-nothing-advocating-for-legality-clauses-instead-of-esg-and-csr-investor-obligations-in-international-investment-agreements/>, truy cập ngày 30/06/2025.

Trong khi các IIA chưa có quy định rõ ràng về chế tài trực tiếp đối với vi phạm CSR, một số quốc gia đã đưa ra các quy định cụ thể trong hệ thống pháp luật nội địa. Điển hình là Ấn Độ – quốc gia tiên phong trong việc đưa nghĩa vụ CSR vào luật doanh nghiệp. Cụ thể, theo Điều 135 của Đạo luật Doanh nghiệp 2013 (Companies Act 2013)<sup>26</sup>, các công ty đạt một ngưỡng nhất định về doanh thu hoặc lợi nhuận bắt buộc phải dành ít nhất 2% lợi nhuận sau thuế bình quân trong ba năm gần nhất để thực hiện các hoạt động CSR. Trường hợp không tuân thủ, doanh nghiệp có thể bị xử phạt lên tới 10 triệu rupee (khoảng 120.000 USD), và cá nhân quản lý liên quan có thể bị phạt riêng tới 200.000 rupee (khoảng 2.400 USD)<sup>27</sup>. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng phải nộp báo cáo công khai giải trình lý do không thực hiện CSR đúng quy định. Điều này cho thấy sự khác biệt rõ nét giữa các quy định CSR trong IIA và trong luật nội địa: Trong khi IIA chủ yếu dựa vào khuyến

*Investment Agreements*, Kluwer Arbitration Blog, 30/01/2024, <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2024/01/30/much-ado-about-nothing-advocating-for-legality-clauses-instead-of-esg-and-csr-investor-obligations-in-international-investment-agreements/>, truy cập ngày 30/06/2025.

<sup>26</sup> Indian Companies Act (2013, 7/9/2016, <https://www.indiacode.nic.in/bitstream/123456789/2114/5/A2013-18.pdf>, truy cập ngày 30/6/2025.

<sup>27</sup> Điều 135.7: Nếu một công ty vi phạm các quy định của điều khoản này, công ty đó sẽ phải chịu mức phạt bằng hai lần số tiền mà công ty phải chuyển vào Quỹ được quy định tại Phụ lục VII hoặc vào Tài khoản Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp chưa sử dụng, tùy từng trường hợp, hoặc một crore rupee (10 triệu rupee), tùy theo mức nào thấp hơn. Mỗi cán bộ của công ty chịu trách nhiệm về vi phạm này sẽ phải chịu mức phạt bằng một phần mười số tiền mà công ty phải chuyển vào Quỹ được quy định tại Phụ lục VII hoặc vào Tài khoản Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp chưa sử dụng, tùy từng trường hợp, hoặc hai lakh rupee (200.000 rupee), tùy theo mức nào thấp hơn.

khích hoặc hậu quả gián tiếp, thì pháp luật trong nước lại có thể quy định chế tài cụ thể, trực tiếp và có thể cưỡng chế<sup>28</sup>.

Từ các phân tích nêu trên có thể thấy rằng, mặc dù các điều khoản CSR mang tính bắt buộc đã bắt đầu được đưa vào một số IIA, chế tài đối với hành vi vi phạm vẫn còn yếu và chưa mang lại hiệu quả thực tiễn rõ rệt. Việc chủ yếu dựa vào cơ chế loại trừ bảo hộ chỉ mang lại tác dụng răn đe hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh thiếu cơ chế giám sát, khiến việc phát hiện và xác định hành vi vi phạm CSR trở nên khó khăn. Điều này làm dấy lên lo ngại rằng các điều khoản CSR trong IIA có thể chỉ mang tính hình thức, khó được thực thi một cách hiệu quả trên thực tế<sup>29</sup>.

### 3.4. Đánh giá về các điều khoản CSR hiện nay

Trên thực tế, các điều khoản CSR đã được áp dụng chủ yếu ở các quốc gia phát triển như Canada, châu Âu, Argentina, Úc. Các điều khoản này nhìn chung đã có thể thực hiện được phần nào mức độ cam kết cao hơn về đảm bảo CSR của nhà đầu tư, phản ánh xu hướng pháp luật quốc tế trong việc nâng cao trách nhiệm xã hội trong hoạt động của nhà đầu tư<sup>30</sup>.

Xu hướng chuyển từ quy định khuyến khích sang quy định bắt buộc của các điều khoản CSR trong các hiệp định đầu tư quốc tế hiện nay đang dần gia tăng, nhưng mức độ bắt buộc vẫn không đồng nhất. Một số điều khoản được thiết kế để gắn kết chặt chẽ các nghĩa vụ CSR theo luật quốc tế và luật của quốc gia chủ nhà. Trong khi đó, các điều khoản khác vẫn mang tính tự nguyện hoặc sử dụng ngôn ngữ khuyến khích.

Nhìn chung, sự thay đổi này phản ánh nỗ lực cải cách các hiệp định đầu tư để bảo đảm rằng hoạt động đầu tư không chỉ tập trung vào lợi nhuận mà còn có trách nhiệm đối với xã hội và môi trường. Những bước tiến trong việc tích hợp các quy định CSR bắt buộc giúp tạo ra các tiêu chuẩn rõ ràng hơn cho nhà đầu tư, đồng thời bảo vệ quyền lợi của các quốc gia chủ nhà và cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, cơ chế thực thi các điều khoản này vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là tính hiệu quả áp dụng bởi thực tiễn chưa đạt được yêu cầu trong việc ngăn chặn tổn hại của các nhà đầu tư có thể gây ra đối với lợi ích quốc gia nơi nước tiếp nhận đầu tư.

### 4. Sử dụng điều khoản trách nhiệm xã hội trong các hiệp định đầu tư của Việt Nam và một số khuyến nghị

Việt Nam hiện đang là điểm đến đầu tư hấp dẫn tại Đông Nam Á nhờ sự ổn định chính trị, lao động dồi dào, chi phí thấp và chính sách ưu đãi đầu tư. Việt Nam hiện thu hút nhiều doanh nghiệp FDI trong các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất và bán dẫn nhờ chi phí lao động cạnh tranh và vị trí địa lý thuận lợi. Chính phủ Việt Nam cũng đưa ra nhiều ưu đãi về thuế và đầu tư cơ sở hạ tầng để thu hút vốn FDI.<sup>31</sup> Do vậy, các doanh

<sup>28</sup> ClearTax, *Corporate Social Responsibility Under Section 135 of Companies Act 2013*, 05/05/2025, <https://cleartax.in/s/corporate-social-responsibility>, truy cập ngày 30/06/2025.

<sup>29</sup> Sheehy, Benedict & Habib, Zaman & Prananingtyas, Paramita & Prananingtyas, Phelein. *Shifting from Soft to Hard Law: Motivating Compliance when Enacting Mandatory Corporate Social Responsibility Shifting from Soft to Hard Law: Motivating Compliance when Enacting Mandatory Corporate Social Responsibility*, *European Business Organization Law Review*, Vol. 24, tr. 701.

<sup>30</sup> Crina Baltag, Riddhi Joshi, Kabir Duggal, tldd, p.399-400.

<sup>31</sup> Hữu Hưng, *Khẳng định sức hút của môi trường đầu tư tại Việt Nam*, Báo Nhân Dân, 28/02/2024,

nghiệp đầu tư tại đây không chỉ tận dụng các lợi thế về thị trường mà còn phải đối mặt với yêu cầu cao hơn về CSR nhằm đáp ứng quy định quốc tế cũng như cải thiện tính bền vững của hoạt động kinh doanh.

Theo thống kê của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (United Nations Conference on Trade and Development – UNCTAD), hiện nay Việt Nam đã tham gia ký kết tổng cộng 99 IIA bao gồm 67 BIT và 32 hiệp định khác có nội dung về đầu tư<sup>32</sup>. Tuy nhiên, trong các hiệp định này thường không có điều khoản cụ thể về CSR. Các hiệp định này chủ yếu tập trung vào bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư hơn là quy định nghĩa vụ trách nhiệm xã hội.

Trong phần lớn các IIA mà Việt Nam đã ký kết thì chưa đề cập tới CSR hoặc chỉ đề cập đến tại Lời mở đầu của hiệp định như một lời khẳng định mục tiêu phát triển bền vững của các quốc gia thành viên. Chỉ một số ít IIA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia có quy định về CSR như một điều khoản riêng biệt. Một ví dụ nổi bật là Điều 9.17 (trách nhiệm xã hội doanh nghiệp) trong Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP), theo đó: “*Các Bên khẳng định lại tầm quan trọng của mỗi Bên trong việc khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ hoặc thuộc quyền tài phán của mình tự nguyện đưa vào chính sách nội bộ những tiêu chuẩn, hướng*

*dẫn và nguyên tắc về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp được quốc tế thừa nhận mà Bên đó đã phê chuẩn hoặc ủng hộ.*” Tuy nhiên, Điều 9.17 sử dụng cách tiếp cận gián tiếp (hướng tới các bên ký kết thay vì nhà đầu tư) và dừng lại ở tính chất “tuyên bố”. Điều này khiến điều khoản CSR dù được tách riêng nhưng chưa có tính ràng buộc pháp lý mạnh mẽ, chỉ mang tính tự nguyện.

Trong Hiệp định Bảo hộ Đầu tư giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EU-Vietnam Investment Protection Agreement – EVIPA), dù không có điều khoản cụ thể trực tiếp về CSR, Hiệp định vẫn thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với phát triển bền vững và các nguyên tắc đối xử công bằng, phù hợp với tinh thần CSR. Ngay từ lời nói đầu, EVIPA đã khẳng định tầm quan trọng của phát triển bền vững trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Đồng thời, Hiệp định nhấn mạnh mong muốn thúc đẩy đầu tư gắn liền với bảo vệ môi trường và quyền lợi người lao động. Nội dung Hiệp định, cụ thể tại Điều 2.5 về “Đối xử đầu tư”, quy định các bên cần đối xử công bằng và bình đẳng với nhà đầu tư, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo vệ an toàn cho họ. Quy định này ngụ ý rằng, doanh nghiệp cần tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức, quy định địa phương và thực hành kinh doanh minh bạch, công bằng. Ngoài ra, Chương 4 của Hiệp định cho phép Ủy ban hợp tác với các bên liên quan, như khu vực tư nhân và tổ chức xã hội dân sự, để đảm bảo thực hiện các biện pháp phù hợp với lợi ích cộng đồng và môi trường. Như vậy, dù các điều khoản CSR chưa mang tính ràng buộc pháp lý cao, nhưng các thỏa thuận đã bắt đầu ký kết và thực thi theo hình thức gián tiếp điều chỉnh trách nhiệm xã hội của nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, các quy định về CSR trong các IIA hiện nay còn mơ hồ, đặc biệt

<https://nhandan.vn/khang-dinh-suc-hut-cua-moi-truong-dau-tu-tai-viet-nam-post797886.html>, truy cập ngày 27/10/2024.

<sup>32</sup> “*Viet Nam | International Investment Agreements Navigator | UNCTAD Investment Policy Hub.*”, Investment Policy Hub, <https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/countries/229/viet-nam>, truy cập ngày 30/06/2025.

là về việc xác định ai phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ. Phần lớn các điều khoản CSR chỉ mang tính khuyến khích mà không có ràng buộc pháp lý rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong việc yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ xã hội khi đầu tư ở nước ngoài<sup>33</sup>. Ngoài ra, nhiều nhà đầu tư nước ngoài lợi dụng việc thành lập công ty mẹ hoặc công ty con tại nước thứ ba để lảng tránh các quy định CSR, nhất là khi công ty mẹ không thực sự hoạt động tại nước tiếp nhận đầu tư. Các điều khoản CSR hiện nay cũng không quy định rõ về cơ chế thực thi nào buộc nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm nếu họ không tuân thủ các điều khoản này<sup>34</sup>. Do vậy, để tăng cường tính hiệu lực của các điều khoản CSR, Việt Nam vẫn cần xem xét đưa vào các quy định rõ ràng hơn về nghĩa vụ của nhà đầu tư, cụ thể:

*Thứ nhất*, tích hợp điều khoản CSR vào các hiệp định đầu tư với ngôn ngữ bắt buộc và rõ ràng. Hiện nay, phần lớn các điều khoản CSR trong các hiệp định đầu tư mà Việt Nam tham gia chỉ mang tính khuyến khích, với cách diễn đạt chung chung như “khuyến khích”, “nên nỗ lực” hoặc “xem xét áp dụng”. Cách tiếp cận này khiến cho nghĩa vụ CSR không tạo ra hậu quả pháp lý nếu nhà đầu tư không thực hiện, làm suy yếu hiệu lực của các cam kết về môi trường, lao động và nhân quyền. Do vậy, Việt Nam nên hướng đến việc sử dụng các cụm từ có

tính ràng buộc cao trong quá trình đàm phán IIA, chẳng hạn như “nhà đầu tư có nghĩa vụ phải...”, hoặc “các hành vi vi phạm điều khoản CSR sẽ bị xử lý theo cơ chế...”. Việc đưa các điều khoản CSR vào các chương hoặc điều khoản độc lập trong IIA, với ngôn ngữ xác định rõ nghĩa vụ thay vì khuyến nghị, sẽ giúp tăng cường hiệu lực pháp lý. Đồng thời, các điều khoản CSR cũng cần quy định rằng nhà đầu tư “phải tuân thủ pháp luật hiện hành của nước sở tại” - bao gồm các lĩnh vực như môi trường, thuế, quyền lao động, quyền của cộng đồng bản địa... Điều này sẽ giúp xác lập rõ nghĩa vụ của nhà đầu tư, tạo cơ sở để Chính phủ Việt Nam có thể từ chối bảo hộ theo hiệp định, hoặc đưa ra các chế tài như xử phạt hoặc yêu cầu bồi thường căn cứ theo pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Việc quy định rõ nghĩa vụ cũng giúp khẳng định cam kết và lập trường của Việt Nam trong việc theo đuổi mô hình phát triển bền vững và có trách nhiệm. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng các quy định về CSR bắt buộc có thể làm giảm tính hấp dẫn đối với một số nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong giai đoạn đầu chuyển đổi chính sách. Do đó, Việt Nam cần có lộ trình phù hợp, ưu tiên áp dụng với các lĩnh vực nhạy cảm như khai thác tài nguyên, công nghiệp nặng hoặc các nhà đầu tư có quy mô lớn và tác động xã hội-môi trường đáng kể.

*Thứ hai*, liên kết chặt chẽ các tiêu chuẩn quốc tế và quy định quốc gia. Một trong những hạn chế khác hiện nay là sự thiếu đồng bộ giữa các chuẩn mực CSR quốc tế và quy định nội luật của Việt Nam. Các nhà đầu tư thường không rõ họ cần tuân thủ những tiêu chuẩn nào, và nếu chỉ dựa vào luật trong nước thì có thể bỏ sót nhiều yếu tố xã hội – môi trường mà luật Việt Nam chưa điều chỉnh đầy đủ. Do vậy, các IIA mà

<sup>33</sup> Ngô Trọng Quân, Ngô Thảo Ngân, *Quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài trong các hiệp định đầu tư quốc tế*, Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam, 24/04/2022, <https://vjol.info.vn/index.php/khxhvn/article/download/75886/64619/>, truy cập ngày 27/10/2024.

<sup>34</sup> Nguyễn Thị Anh Thơ, *Trách nhiệm bảo vệ quyền con người của doanh nghiệp theo BIT và những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học đề tài Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp: Quy định quốc tế và những vấn đề pháp lý đặt ra đối với Việt Nam, Đại học Luật Hà Nội, 2023.

Việt Nam tham gia cần viện dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp đến các văn kiện quốc tế về CSR như Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc về Kinh doanh và Nhân quyền, Bộ Hướng dẫn OECD cho Doanh nghiệp Đa quốc gia, hay Tuyên bố ba bên của ILO về Doanh nghiệp và Chính sách xã hội. Việc kết hợp giữa chuẩn mực quốc tế và luật quốc gia tạo nên khuôn khổ pháp lý toàn diện, vừa bảo đảm tính phổ quát vừa cụ thể hóa nghĩa vụ. Đồng thời, điều này giúp Việt Nam nội luật hóa các cam kết quốc tế, tạo tính nhất quán và giảm rủi ro xung đột pháp lý. Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi Việt Nam phải thường xuyên cập nhật quy định pháp luật nội địa để tương thích với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời cần tăng cường năng lực của các cơ quan thực thi để không tạo ra khoảng trống trong thực thi.

*Thứ ba*, cần có cơ chế giám sát và chế tài hiệu quả. Dù có quy định CSR trong IIA nhưng nếu thiếu cơ chế giám sát và chế tài, các nghĩa vụ này sẽ không có hiệu lực ràng buộc trên thực tế. Điều này có thể khiến điều khoản CSR chỉ là hình thức và không đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ của các nhà đầu tư. Do vậy, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống giám sát thực thi CSR của nhà đầu tư bao gồm: (i) Cơ chế báo cáo định kỳ từ nhà đầu tư về việc tuân thủ CSR, (ii) Đường dây phản ánh từ người dân và tổ chức xã hội dân sự, (iii) Cơ chế điều tra độc lập và công khai, và (iv) Các chế tài cụ thể ví dụ như phạt hành chính, đình chỉ dự án hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, có thể xem xét thiết lập một cơ chế phối hợp giữa Nhà nước - xã hội - cộng đồng địa phương để bảo đảm minh bạch và công bằng<sup>35</sup>. Cơ chế này không chỉ

giúp nâng cao khả năng thực thi của các điều khoản CSR mà còn tăng cường niềm tin của người dân đối với chính sách thu hút FDI. Bên cạnh đó, nếu được vận hành hiệu quả, cơ chế này có thể giúp Việt Nam tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vì mục tiêu phát triển bền vững.

### **Kết luận**

Bài viết đã phân tích vai trò quan trọng của các điều khoản về CSR trong IIA, đồng thời làm rõ xu hướng chuyển đổi từ các quy định mang tính khuyến khích (“luật mềm”) sang các ràng buộc pháp lý cụ thể (“luật cứng”). Việc tích hợp các điều khoản CSR ràng buộc không chỉ giúp thiết lập sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế và các yếu tố xã hội, môi trường, mà còn là một bước đi cần thiết để bảo vệ quyền lợi của quốc gia tiếp nhận đầu tư trước những tác động tiêu cực từ các hoạt động đầu tư thiếu trách nhiệm.

Bài viết chỉ ra rằng các điều khoản CSR không chỉ đóng vai trò như một công cụ ngăn ngừa xung đột giữa cam kết đầu tư quốc tế và các quy định trong nước, mà còn góp phần định hình các chuẩn mực quốc tế cho nhà đầu tư. Điều này đảm bảo rằng các hoạt động đầu tư không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn thúc đẩy phát triển bền vững trong dài hạn, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

---

và phản hồi đối với hoạt động của nhà đầu tư. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò quản lý, xây dựng pháp luật, cấp phép, kiểm tra và xử phạt; xã hội (gồm các tổ chức phi chính phủ - NGO, hiệp hội nghề nghiệp, giới học giả, báo chí, ...) đóng vai trò giám sát độc lập, truyền thông và vận động chính sách và cộng đồng địa phương - tức người dân sinh sống tại nơi có dự án đầu tư - là bên trực tiếp bị ảnh hưởng, có quyền phản ánh, tố cáo hoặc yêu cầu đền bù nếu quyền lợi bị xâm hại.

<sup>35</sup> Một hệ thống đa bên, trong đó ba nhóm chủ thể này cùng tham gia vào quy trình giám sát, đánh giá